

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 – 2026
NHÓM TRẺ 24-36 THÁNG HUỖI MƠI

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh
T T	Mục tiêu			
1. Lĩnh vực phát triển thể chất				
a. Phát triển vận động				
1	- Trẻ có khả năng thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/ bụng và chân	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra: thổi bóng, gà trống gáy, thổi nơ, còi tàu... - Tay: + Hai tay giơ cao, hạ xuống + 2 tay đưa ra phía trước - đưa về phía sau + Đưa sang ngang, hạ xuống + Đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay + 1 tay đưa về phía trước, 1 tay đưa về phía sau + Đưa bóng lên cao + Gà vỗ cánh + Tập với gậy (vòng): Hai tay cầm gậy đưa lên cao rồi hạ xuống - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước + Nghiêng người sang phải trái + Vặn người sang 2 bên + Cúi người xuống, đứng thẳng người lên + Ngửa người ra phía sau + Cầm bóng lên + Gà mổ thóc + Đưa gậy (vòng) sang trái, sang phải - Chân: + Ngồi xuống, đứng lên + Co duỗi từng chân + Bóng nảy + Gà bới đất + Đặt gậy (vòng) xuống đất rồi nhặt lên	1->9	

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh
T	Mục tiêu			
2	- Trẻ có khả năng giữ được thăng bằng trong vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay	- Đi trong đường hẹp - Đi theo hiệu lệnh - Đi có mang vật trên tay - Đứng co một chân - Đi bước vào các ô - Đi theo đường ngoằn ngoèo - Đi bước qua gậy kê cao - Chạy theo hướng thẳng - Chạy đổi hướng	1 -> 9	
3	Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung-bắt bóng với cô khoảng cách 1m, ném vào đích xa 1->1, 2m.	- Tung bóng bằng 2 tay - Tung bóng qua dây - Tung bắt bóng cùng cô - Ném bóng vào đích	1,2,3,6,7,9	
4	Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	- Bò thẳng hướng theo đường hẹp - Bò thẳng hướng và có mang vật trên lưng - Bò chui qua cổng - Bò qua vật cản - Bò theo đường ngoằn ngoèo - Trườn qua vật cản - Trườn chui qua cổng	1-> 9	
5	- Trẻ có khả năng thể hiện được sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m)	- Ném bóng về phía trước - Nhún bật tại chỗ - Nhún bật về phía trước - Bật qua vạch kẻ - Bật qua các vòng - Bật xa bằng hai chân	2,4,5,6,7,8,9	
6	- Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện "múa khéo"	+ Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau + Xoay tròn, lăn dọc. + Hai tay làm động tác rót, khuấy	1,2,4,6,8	
7	- Trẻ có khả năng phối hợp được cử động bàn tay, ngón	+ Hai tay nhào, đảo cát, đất nặn... + Hai tay vò xé giấy, lá khô,	1->9	

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh
T	Mục tiêu			
	tay và phối hợp tay mắt trong các hoạt động: Nhào đất nặn; vẽ tổ chim, xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ	túi bóng... + Đóng cọc bàn gỗ + Nhón nhặt đồ vật. + Xâu, luồn dây hoa, quả, con vật, vòng cổ, vòng tay... + Hai tay cài, cời cúc + Buộc dây áo, dây giày + Chắp ghép hình + Chồng, xếp 6 - 8 khối. + Tập cầm bút tô, vẽ. + Lật mở trang sách.		
b. giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.				
8	- Trẻ có khả năng thích nghi với chế độ với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau của địa phương như: Thịt lợn, thịt bò, cá, rau, canh... - Tập luyện nề nếp thói quen rửa tay trước khi ăn, ăn không khóc, không nói chuyện, tự xúc cơm, không làm rơi cơm trong ăn uống - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, uống.	1, 4	
9	- Trẻ có thể ngủ 1 giấc buổi trưa	- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ngủ.	1, 2, 5	
10	- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định	- Tập đi vệ sinh đúng nơi qui định. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu vệ sinh	1, 2	
11	- Trẻ có thể làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...)	- Tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước. + Mặc quần áo, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt + Đi dép, đi vệ sinh. + Chuẩn bị chỗ ngủ. - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín, rửa tay trước khi ăn;	1, 2, 3, 4 5, 7	

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh
T	Mục tiêu			
		+ Lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn + Vứt rác đúng nơi quy định - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.		
12	- Trẻ biết chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh	- Đội mũ khi ra nắng, biết nắng làm mình bị ốm - Đi giày dép - Nhận ra sự thay đổi của thời tiết. Mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	3, 6, 9	
13	- Trẻ biết tránh một số vật dụng nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, bàn là, xô nước, giếng, bếp đang đun...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm: dao, kéo, vật sắc nhọn, bình nước nóng... - Nhận biết những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần: ổ điện, bếp đang đun, giếng, ao, mương, suối, cầu ...	4, 8, 9	
14	- Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh; trèo lan can, trèo cây, trèo bàn ghế....	2, 7	
2. Phát triển nhận thức				
15	- Trẻ sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Sờ nắn, nhìn, ngửi ... để nhận biết đặc điểm nổi bật tên gọi, màu sắc, hình dạng, mùi vị ... của đồ vật, hoa, quả quen thuộc: Bàn, ghế, quả chuối, cam, hoa hồng, hoa cúc... - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật: Xắc xô, trống, loa, ti vi, điện thoại. Tiếng kêu của một số con vật quen thuộc: Con chó, mèo, gà	1, 3, 4, 5, 6, 7, 8	

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh
T	Mục tiêu			
		vịt, cá tôm... - Nêm vị của một số thức ăn: canh, món xào, món luộc (mặn, chua).., quả (ngọt, chua)		
16	- Trẻ có thể chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc	- Bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. - Tên, đặc điểm nổi bật của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Đồ chơi, đồ dùng của bản thân bạn trai: Bóng, ô tô.., bạn gái; búp bê, nấu ăn.. - Đồ chơi, đồ dùng của nhóm lớp mẫu giáo	1, 3	
17	- Trẻ có thể nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp.	1, 2, 4	
18	- Trẻ có thể nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân	2	
19	- Trẻ có thể nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	- Tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật, quen thuộc ở địa phương. - Tên và một vài đặc điểm nổi bật của hoa quen thuộc ở địa phương. - Tên và một vài đặc điểm nổi bật của quả quen thuộc - Tên đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi: Xe máy, xe đạp, ô tô, máy bay, công nông....	1, 3, 4, 5, 7, 8,9	
20	- Trẻ có thể chỉ/nói	- Nhận biết màu đỏ, xanh,	1, 2, 3,9	

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh
T	Mục tiêu			
	tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/ xanh theo yêu cầu	vàng		
21	- Trẻ có khả năng chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu	- Kích thước to - nhỏ. - Hình tròn, hình vuông - Số lượng (một - nhiều) - Vị trí trong không gian (trên- dưới - trước - sau) so với bản thân trẻ.	2, 3, 4, 8,9	
3. Phát triển ngôn ngữ				
22	- Trẻ có thể thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: “Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay?...”	- Nghe và thực hiện yêu cầu bằng lời nói. - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc	1, 4	
23	- Trẻ có thể trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “...làm gì?”, “....thế nào?” (ví dụ: Con gà gáy thế nào?.....”,	- Nghe các câu hỏi: Cái gì?; Làm gì?; Để làm gì?; Ở đâu?; Như thế nào?. - Trả lời và đặt câu hỏi: Cái gì?; Làm gì?; Ở đâu?; Thế nào?; Để làm gì?; Tại sao?...	3, 5, 8	
24	- Trẻ có thể hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật	- Nghe các truyện ngắn - Lắng nghe khi người lớn đọc sách - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có sự gợi ý từ cô giáo - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh	2-> 9	
25	- Trẻ có thể phát âm rõ tiếng.	- Phát âm các âm khác nhau	3, 5, 7	
26	- Trẻ có thể đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố.	1 -> 9	
27	- Trẻ có thể nói	- Thể hiện nhu cầu mong		

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh
T	Mục tiêu			
	được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	muốn và hiểu biết bằng 1 - 2 câu đơn giản và câu dài.	2 -> 9	
28	- Trẻ có khả năng sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: + Chào hỏi, trò chuyện. + Bày tỏ nhu cầu của bản thân. + Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “Con gì đây?”; “cái gì đây?”.... + Chào hỏi, trò chuyện với cô, với bạn, với người thân. + Bày tỏ nhu cầu của bản thân. - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau.	1, 2, 4, 5, 8	
29	- Trẻ có thể nói to, đủ nghe, lễ phép	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.	3, 4	
4. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ				
30	- Trẻ có thể nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi)	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. Bạn trai: Tóc ngắn, mặc quần áo; bạn gái: Tóc dài, buộc nơ, mặc váy.	2	
31	- Thể hiện điều mình thích và không thích.	- Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình.	3	
32	- Trẻ có thể biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói	- Giao tiếp với những người xung quanh, bạn bè, cô giáo, gia đình...	6	
33	- Trẻ có thể nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận. - Biểu lộ cảm xúc vui buồn, sợ hãi qua nét mặt cử chỉ.	2, 4, 6, 9	
34	- Trẻ có thể biểu lộ cảm xúc vui buồn, sợ hãi qua nét mặt			

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh
T	Mục tiêu			
	cử chỉ.			
35	- Trẻ có thể biết biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi; bắt chước tiếng kêu, gọi.	- Quan tâm đến các vật nuôi gần gũi, gọi tên, bắt chước tiếng kêu: Con mèo, còn gà, con chó...	5	
36	- Trẻ biết chào, tạm biệt cảm ơn, ă, vâng ă.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: Chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ, vâng ă”, chơi cạnh bạn không cầu bạn	1, 2, 4	
37	- Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...)	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. Thể hiện một số hành vi qua việc chơi thao tác vai (bế em, cho em ăn, nấu cho em ăn, nghe điện thoại...)	1->9	
38	- Trẻ có thể chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn: Chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.	3, 7	
39	- Trẻ có thể thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên. - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: Xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định, ăn xong cất bát vào rổ, bỏ rác vào thùng rác.	2, 5	
40	- Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; - Nghe âm thanh của các nhạc cụ: Xắc xô, phách tre, mõ, trống,... - Nghe âm thanh trong thiên nhiên: Tiếng nước chảy "róc rách", tiếng mưa rơi "tí tách"... - Nghe làn điệu dân ca của địa phương, những bài hát ru...	1 -> 9	

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh
T	Mục tiêu			
		- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.		
41	- Thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	- Vẽ các đường nét khác nhau, cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc - Xé giấy vụn, vò giấy, gấp giấy. - Xếp hình từ các khối gỗ. - Xem tranh, ảnh	1-> 9	

II: DỰ KIẾN THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

Thời gian (Tháng, từ ngày... đến ngày ...)	STT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ /hội	Điều chỉnh bổ xung	Thời gian
Tháng 9 (Từ 8/9-26/9/2025)	1	Bé vui đến trường	Bé yêu cô giáo	1	Ngày hội đến trường của bé 05/9		8/9 - 12/9
			Các bạn trong lớp học của bé	1			15/9-19/9
			Đồ dùng, đồ chơi trong lớp của bé	1			22/9 - 26/9
Tháng 10 (Từ ngày 29/9-17/10)	2	Bé biết gì về bản thân	Bé là ai?	1	Bé vui đón Tết trung thu (15/8 âm lịch. (Thứ 2)		29/9 - 3/10
			Bé vui đón tết trung thu	1			6/10 - 10/10
			Cơ thể kỳ diệu của bé	2			13/10 -24/10
Tháng 10+11 (Từ ngày 27/10 - 21/11)	3	Đồ dùng, đồ chơi của bé	Bé với đồ chơi yêu thích	1	Ngày hội của cô giáo 20/11 (Thứ 5)		27/10-31/10
			Đồ dùng của bé	2			03/11-4/11
			Ngày hội của cô giáo	1			17/11-21/11
Tháng 11+12 (Từ ngày 24/11 - 19/12)	4	Mẹ và gia đình thân yêu của bé	Mẹ của bé	1			24/11-28/11
			Những người thân trong GD bé	1			01/12-5/12
			Đồ dùng trong gia đình bé	2			8/12-19/12
Tháng 12+01 (Từ ngày 22/12-16/1/2026)	5	Những con vật đáng yêu	Con vật nuôi trong gia đình (2 chân)	1	Ngày 22/12 Ngày Tết dương lịch (thứ 5)		22/12-26/12
			Con vật nuôi trong gia đình (4 chân)	1			29/12-02/1/2026

			Con vật sống trong rừng	1			5/1-9/01/2026
			Con vật sống dưới nước	1			12/01-16/01/2026
Tháng 01+02 (Từ ngày 19/1-13/2/2026)	6	Tết và mùa xuân	Mùa xuân đến rồi	1	Bé vui đón tết nguyên đán (1/1 âm lịch)		19/01 -23/01/2026
			Bé vui đón tết	2			26/01 – 6/02/2026
			Ngày tết vui vẻ	1			9/02 -13/02/2026
			Nghỉ tết nguyên đán				16/02-20/02/2026
Tháng 2+3 (Từ ngày 23/2 - 27/3/2026)	7	Thực vật quanh bé	Bé yêu hoa	1	Ngày hội 8/3		23/02-27/02/2026
			Loại quả bé yêu	2			02/03-13/03/2026
			Bé biết rau gì?	2			16/03-27/03/2026
Tháng 3+4 (Từ ngày 30/3 - 24/4/2026)	8	Bé đi khắp nơi bằng các phương tiện gì	Phương tiện GT đường bộ	1	Giỗ tổ Hùng Vương		30/3-3/4/2026
			Máy bay	1			6/4-10/4/2026
			Tàu hỏa	1			13/4-17/4/2026
			Thuyền, tàu thủy	1			20/4-24/4/2026
Tháng 4+5 (Từ ngày 27/04 - 22/05/2026)	9	Mùa hè - cháu lên mẫu giáo	Ôn tập		Ngày 30/4 - 1/5		27/4-29/4/2026
			Trang phục mùa hè của bé	1			4/5-8/5/2026
			Bé lên mẫu giáo	1			11/5-15/5/2026
			Bé vui đón tết thiếu nhi	1			18/5-22/5/2026
Tổng số				35			

Thanh Yên, ngày 25 tháng 08 năm 2025

BAN GIÁM HIỆU

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Hồng Vân

Phạm Thị Giang